

*Thứ hai ngày 29 tháng 01 năm 2024*

**Hoạt động trải nghiệm**

**Sinh hoạt dưới cờ: Ủng hộ “ Tết yêu thương”**



**Tiếng Việt**

**Bài 1: NỤ HÔN TRÊN BÀN TAY (4 tiết)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Phát triển kĩ năng đọc thông qua thông qua việc đọc đúng, rõ ràng một văn bản tự sự ngắn và đơn giản kể lại một trải nghiệm từ ngôi thứ ba, có lời thoại; hiểu và trả lời đúng các câu hỏi có liên quan đến VB; quan sát, nhận biết được các chi tiết trong tranh và suy luận từ tranh được quan sát.

- Phát triển kĩ năng viết thông qua hoạt động viết lại đúng câu trả lời cho câu hỏi trong văn bản đọc; hoàn thiện câu dựa vào những từ ngữ cho sẵn và viết lại đúng câu đã hoàn thiện; nghe viết một đoạn ngắn.

- Phát triển kĩ năng nói và nghethông qua hoạt động trao đổi về nội dung của văn bản và nội dung được thể hiện trong tranh.

- Giao tiếp và hợp tác: HS nhận biết và bày tỏ tình cảm, cảm xúc của bản thân và có khả năng khi làm việc nhóm.

-Nhân ái: yêu thương, biết ơn cha mẹ.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV : Tranh minh hoạ có trong SHS được phóng to hoặc máy tính có phần mềm phù hợp, máy chiếu, màn hình, bảng thông minh.

- HS : sgk, vbt

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| --- | --- |
| **1. Khởi động (4-5’)**  - GV yêu cầu HS quan sát tranh và trao đổi nhóm để nói về những gì em quan sát được trong tranh.  *- Trong tranh vẽ những ai? Bạn nhỏ đang đi đâu?Mẹ đã làm gì?*  *- Mẹ có ở trong ô cùng với bạn nhỏ không? Tại sao?*  - GV bài đọc *Nụ hôn trên bàn tay* là bài tập đọc rất hay cũng thể hiện tình yêu của mẹ đối với con đấy các con ạ  **2. Đọc (29-30’)**  - GV đọc mẫu toàn bài. Chú ý đọc đúng lời người kể và lời nhân vật. Ngắt giọng, nhấn giọng đúng chỗ.  - HS đọc câu  + Luyện đọc nối tiếp từng câu lẩn 1.  + GV hướng dẫn HS luyện phát âm một số từ ngữ có thể khó đối với HS: *hồi hộpnhiên, bước, cười.*  + Một số HS đọc nối tiếp từng câu lần 2. GV hướng dẫn HS đọc những câu dài.  GV đọc mẫu từng câu, HD cách ngắt nhịp.  (VD: *Mẹ nhẹ nhàng/ đặt một nụ hôn/ vào bàn tay Nam/ và dặn-, Mỗi khi lo lắng,/ con hãy/ áp bàn tay này/ lên má.)*  - HS đọc đoạn  + GV chia bài thành các đoạn (đoạn 1: từ đầu đến *ở bên con,* đoạn 2: phần còn lại).  + GV giải thích nghĩa của một số từ ngữ trong bài  *hồi hộp: ở* trong trạng thái tim đập nhanh do đang quan tâm đến cái gì đó sắp xảy ra;  *nhẹ nhàng:* rất nhẹ, không gây cảm giác khó chịu;  *thủ thỉ:* nói nhỏ nhẹ, vừa đủ nghe nhằm bộc lộ tình cảm;  *tung tăng:* di chuyển với những động tác biểu thị sự vui thích).  + HS đọc đoạn theo nhóm.  - HS và GV đọc toàn VB  + 1 - 2 HS đọc thành tiếng toàn VB.  + GV đọc lại toàn VB và chuyển tiếp sang phần trả lời câu hỏi. | - HS quan sát tranh và trao đổi nhóm  - HS trả lời câu hỏi. Các HS khác có thể bổ sung nếu câu trả lời của các bạn chưa đầy đủ hoặc có câu trả lời khác.  ***- Trong tranh vẽ mẹ và bé, bạn nhỏ đang đi học và mẹ đang che ô cho bạn nhỏ.***  **- *Mẹ không ở trong ô cùng bạn nhỏ, vì cái ô nhỏ quá.***  - HS đọc nối tiếp từng câu lẩn 1  **- 1 HS đọc câu dài**  **- Lớp đọc CN - ĐT**  - HS đọc nối tiếp từng câu lần 2.  + HS đọc nối tiếp từng đoạn, 2 lượt. |

**TIẾT 2**

| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| --- | --- |
| **3. Trả lời câu hỏi (14-15’)**  - GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để tìm hiểu bài đọc và trả lời câu hỏi  a. *Ngày đầu đi học, Nam thế nào?*  b. *Mẹ dặn Nam điều gì?*  c. *Sau khi chào mẹ, Nam làm gì?).*  - GV đọc câu hỏi và gọi đại diện một số nhóm trình bày câu trả lời của mình. Các nhóm khác nhận xét, đánh giá.  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  Lưu ý: GV có thể chủ động chia nhỏ câu hỏi hoặc bổ sung câu hỏi để dẫn dắt HS (nếu cần).  **4.Viết vào vở câu trả lời cho câu hỏi a ở mục 3 (18-20’)**  GV ghi bảng:  Ngày đầu đi học Nam (…) .  - GV nhắc lại câu trả lời đúng cho câu hỏi a và hướng dẫn HS viết câu trả lời vào vở.  - Những chữ nào được viết hoa? Tại sao?  - GV lưu ý HS viết hoa chữ cái đầu câu và tên riêng; đặt dấu chấm, dấu phẩy đúng vị trí.  - GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS. | - 1 HS đọc lại toàn bài  - HS làm việc nhóm (có thể đọc to câu hỏi), cùng nhau trao đổi về bức tranh minh hoạ và câu trả lời câu hỏi.  a. *Ngày đẩu đi học, Nam hồi hộp lắm;*  b. *Mẹ dặn Nam: “Mỗi khi lo lắng, con hãy áp bàn tay này lên má";*  c. *Sau khi chào mẹ, Nam tung tăng bước vào lớp.*  - HS trả lời câu hỏi. Các HS khác có thể bổ sung nếu câu trả lời của các bạn chưa đầy đủ hoặc có câu trả lời khác.  - 1 HS đọc lại câu hỏi a ở mục 3.  - 1HS trả lời.  a. *Ngày đầu đi học, Nam hồi hộp lắm.*  Ngày, Nam. Vì chữ *Ngày* là chữ đầu dòng, chữ *Nam* là tên riêng. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY( nếu có)**

|  |
| --- |
|  |
|  |



**Toán**

**Bài 22:So sánh số có hai chữ số( 3 tiết)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:**

Biết cách so sánh hai số có hai chữ số ( dựa vào cấu tạo số, so sánh các số chục rồi so sánh số đơn vị ). Vận dụng để xếp thứ tự các sô ( từ bé đến lớn hoặc từ lớn đến bé), xác định số lớn nhất, số bé nhất trong một nhóm các số cho trước ( có không quá 4 số).

**2. Năng lực:**

**a. Năng lực chung:**

## Năng lực tự chủ và tự học:Bước đầu nắm được cấu tạo số .

## + NL giao tiếp toán học: HS so sánh thảo luận trong nhóm và trình bày KQ trước lớp trong (HĐ2) (GTTH)

Biết trao đổi giúp đỡ nhau hoàn thành các bài tập cấu tạo số (theo hệ thập phân)

**b. Năng lực đặc thù:**

## + NL Tư duy và lập luận toán học: Phát triển năng lực phân tích, so sánh, đối chiếu khi tìm cách so sánh hai số. (TDLL).

+ NL mô hình hóa toán học: HS có năng lực vận dụng từ “quy tắc” (mô hình) so sánh hai số có hai chữ số vào các trường hợp cụ thể, giải các bài toán thực tế.

**3. Phẩm chất:**

## +Trách nhiệm: HS tham gia và có trách nhiệm hoàn thành nhiệm vụ chung của nhóm (TN)

## + Chăm chỉ: HS tích cực tham gia các hoạt động học. (CC)

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Bộ đồ dùng học toán 1.

- Các phiếu ( photo tranh bài tập 4 trong sách giáo khoa) để HS thực hiện theo cặp đôi.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| --- | --- |
| **1. Khởi động**  - Ổn định tổ chức  - Giới thiệu bài : So sánh số có hai chữ số  **2. Khám phá**  **Hướng dẫn so sánh: 16 và 19**  - GV ch HS quan sát hình vẽ và hỏi  + Đĩa thứ nhất có bao nhiêu quả cà chua?  - Vậy số 16 gồm mấy chục và mấy đơn vị?  - GV ghi bảng : 16  + Đĩa thứ hai có bao nhiêu quả cà chua?  - Vậy số 19 gồm mấy chục và mấy đơn vị?  - GV ghi bảng : 19  - GV hướng dẫn HS so sánh số 16 và 19.  - GV hướng dẫn HS so sánh chữ số ở hàng chục  - GV hướng dẫn HS so sánh chữ số ở hàng đơn vị?  - Vậy 6 đơn vị so với 9 đơn vị như thế nào?  - Vậy số16 như thế nào so với số 19?  - GV ghi bảng: 16 < 19  - Vậy số 19 như thế nào so với số 16?  - GV ghi bảng: 19 > 16  **\* So sánh: 42 và 25**  - GV ch HS quan sát hình vẽ và hỏi:  + Đĩa thứ nhất có bao nhiêu quả cà chua?  - Vậy số 42 gồm mấy chục và mấy đơn vị?  - GV ghi bảng : 42  + Đĩa thứ hai có bao nhiêu quả cà chua?  - Vậy số 25 gồm mấy chục và mấy đơn vị?  - GV ghi bảng : 25  - GV hướng dẫn HS so sánh số 42 và 25.  - GV hướng dẫn HS so sánh chữ số ở hàng chục  - Vậy 4 chục như thế nào so với 2 chục?  - Vậy sô 42 như thế nào so với số 25?  - GV ghi bảng: 42 > 25  - Số 25 như thế nào so với số 42?  GV ghi: 25 < 42  *Gv chốt khi so sánh số có hai chữ số ta so sánh như sau: nếu số nào có số chục lớn hơn thì số đó lớn hơn. Nếu hai số có số chục bằng nhau thì số nào có số đơn vị lớn hơn thì lớn hơn.*  *GIẢI LAO*  **3. Hoạt động:**  **Bài 1: So sánh ( theo mẫu)**    - Gv hướng dẫn mẫu 13 quả táo ít hơn 16 quả táo nên 13 < 16  - Cho HS làm bài vào vở  - GV mời HS lên bảng chia sẻ  - Số 25 gồm có mấy chục và mấy đơn vị?  - Số 15 gồm có mấy chục và mấy đơn vị?  - Yêu cầu HS nêu cách so sánh số 25 và số 15?  - Tiến hành tương tự với những bài còn lại.  - GV cùng HS nhận xét  *\* GV chốt khi so sánh số có hai chữ số nếu số nào có số chục lớn hơn thì số đó lớn hơn. Nếu hai số có số chục bằng nhau thì số nào có số đơn vị lớn hơn thì lớn hơn.*  **Bài 2:**  - GV cho HS nêu yêu cầu của bài.  - Cho HS quan sát tranh câu a    - Số 35 như thế nào so với số 53?  - Hỏi: Túi nào có số lớn hơn?  - Cho HS quan sát tranh câu b  - Số 57 như thế nào so với số 50?  - Hỏi: Túi nào có số lớn hơn?  - Cho HS quan sát tranh câu c  - Số 18 như thế nào so với số 68?  - Hỏi: Túi nào có số lớn hơn?  - GV cùng HS nhận xét  **Bài 3:**  - GV cho HS nêu yêu cầu của bài  - Yêu cầu HS làm bài  - Yêu cầu HS nêu kết quả  - GV yêu cầu HS trình bày cách làm.    - GV cùng HS nhận xét  **Bài 4:**  - GV phát phiếu bài tập 4 và hướng dẫn cách làm khoanh tròn vào:  a. Chiếc lọ nào có số lớn nhất?    b. Chiếc lọ nào có số bé nhất?    - Cho HS trình bày kết quả  **4.Củng cố, dặn dò**  - Hôm nay học bài gì?  - Muốn so sánh số có hai chữ số ta làm như thế nào?  -GV chốt lại nội dung kiến thức bài. | - Hát  - Lắng nghe  - HS quan sát, đếm số quả cà chua và nêu  + Có 16 quả cà chua  - Số 16 gồm 1 chục và 6 đơn vị.  + Có 19 quả cà chua  - Số 19 gồm 1 chục và 9 đơn vị.  - HS nêu hai số 16 và 19 đều có chữ số ở hàng chục bằng nhau là 1 chục.  - Hs nêu: số 16 có 6 đơn vị, số 19 có 9 đơn vị.  - 6 đơn vị bé hơn 9 đơn vị  - 16 bé hơn 19  - 19 lớn hơn 16  - HS đọc: Mười chín lớn hơn mười sáu.  - HS quan sát, đếm sô quả cà chua và nêu  + Có 42 quả cà chua  - Số 42 gồm 4 chục và 2 đơn vị.  + Có 25 quả cà chua  - Số 25 gồm 2 chục và 5 đơn vị  - HS nêu số 42 có 4 chục; số 25 có 2 chục  - 4 chục lớn hơn 2 chục.  - 42 lớn hơn 25  - HS đọc: Bốn mươi hai lớn hơn hai mươi lăm.  - số 25 bé hơn số 42  - HS đọc: Hai mươi lăm bé hơn bốn mươi hai.   -  Làm vào vở BT.  - HS nêu miệng:  + 25 quả táo nhiều hơn 15 quả táo nên 25 > 15  - Số 25 gồm 2 chục và 5 đơn vị.  - Số 15 gồm 1 chục và 5 đơn vị.  - HS nêu  + 14 quả táo ít hơn 16 quả táo nên 14 < 16  + 20 quả táo bằng 20 quả táo nên 20 = 20  - HS nhận xét bạn  - HS nêu: Túi nào có số lớn hơn?  - HS quan sát.  - Số 35 bé hơn số 53.  - Túi 53 có số lớn hơn  - Số 57 lớn hơn số 50.  - Túi 57 có số lớn hơn  - Số 18 bé hơn số 68.  - Túi 68 có số lớn hơn  - HS nhận xét bạn  - HS nêu: Điền dấu >, < , =  - HS làm bài vào vở.  - HS trình bày kết quả.  24 > 19 56 < 65  35 < 37 90 > 89  68 = 68 71 < 81  - HS trình bày  -HS nhận phiếu bài tập và làm việc theo nhóm đôi  - Đại diện nhóm trình bày kết quảận xét bạn  - HS nêu: So sánh số có hai chữ số  - HS nêu |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY( nếu có)**

|  |
| --- |
|  |
|  |



*Thứ ba ngày 30 tháng 01 năm 2024*

**Tiếng Việt**

**Bài 1: NỤ HÔN TRÊN BÀN TAY (4 tiết)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

Giúp HS :

1. Phát triển kĩ năng đọc thông qua việc đọc đúng , rõ ràng một VB tự sự ngắn và đơn giản , kể lại một trải nghiệm từ ngôi thứ ba , có lời thoại ; hiểu và trả lời đúng các câu hỏi có liên quan đến VB ; quan sát , nhận biết được các chi tiết trong tranh và suy luận từ tranh được quan sát .

2. Phát triển kĩ năng viết thông qua hoạt động viết lại đúng câu trả lời cho câu hỏi trong VB đọc ; hoàn thiện cầu dựa vào những từ ngữ cho sản và viết lại đúng cậu đã hoàn thiện ; nghe viết một đoạn ngắn .

3. Phát triển kĩ năng nói và nghe thông qua hoạt động trao đổi về nội dung của VB và nội dung được thể hiện trong tranh

4. Phát triển phẩm chất và năng lực chung : yêu thương , biết ơn cha mẹ ; khả năng nhận biết và bày tỏ tình cảm , cảm xúc của bản thân ; khả năng làm việc nhóm

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

1. Kiến thức ngữ văn

- GV nắm được đặc điểm của VB tự sự kể lại một trải nghiệm từ ngôi thứ ba , có lời thoại ; nội dung của VB Nụ hôn trên bàn tay ; cách thể hiện đặc điểm nhân vật và quan hệ giữa các nhân vật trong câu chuyện .

- GV nắm được nghĩa của một số từ ngữ khó trong VB ( hồi hộp , nhẹ nhàng , thủ thỉ , tung tăng ) và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này .

2. Phương tiện dạy học Tranh minh hoạ có trong SGK được phóng to hoặc máy tính có phần mềm phù hợp , máy chiếu , màn hình , bảng thông minh.

**III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 3**

| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| --- | --- |
| **5. Chọn từ ngữ để hoàn thiện câu và viết câu vào vở( 16-17’)**  **GV ghi bảng từ: *mỉm cười, lo lắng , thủ thỉ***  ***- Câu : Mỗi lần em bị ốm, mẹ rất….*bị khuyết từ vậy từ đó là gì? .Chọn từ ngữ ở trên để điền vào chỗ bị khuyết**  **- GV yêu cẩu đại diện một số nhóm trình bày kết quả. GV và HS thống nhất câu hoàn chỉnh. *(Mỗi lần em bị ốm, mẹ rất lo lắng.)***  ***Tại sao ta không dùng từ mỉm cười hay từ thủ thỉ?***  ***- Trong câu này từ nào được viết hoa?***  **- GV hướng dẫn viết hoa chữ M theo 2 cách**  **- GV yêu cầu HS viết câu hoàn chỉnh vào vở.**  **- GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS.**  **6. Quan sát tranh và dùng từ ngữ trong khung để nói theo tranh (17-18’)**  **- GV giới thiệu tranh và hướng dẫn HS quan sát tranh.**  **GV ghi bảng từ: *chăm sóc, ốm, ô tô điện, công viên***  **- Con chọn từ ngữ nào để nói về bức tranh 1, 2?**  **- GV gọi một số HS trình bày kết quả nói theo tranh.**  **Gợi ý: tranh 1**: *Mỗi khi em bị ốm, mẹ đều chăm sóc em rất tận tình./ Mẹ luôn ở bên em, chăm sóc em, mỗi khi em ổm./ Mẹ luôn ở bên em, chấm sóc em, mỗi khỉ em bị ốm\*  Tranh 2: *Trong công viên, hai bố con đang chơi trò lái ô tô điện.*  **- HS và GV nhận xét.** | - HS đọc CN- ĐT.  **HS làm việc nhóm để chọn từ ngữ phù hợp và hoàn thiện câu.**  - HS: Vì những từ đó không phù hợp với câu đã cho.  -HS : từ *Mỗi*  - HS đọc CN- ĐT.  **- HS làm việc nhóm đôi, quan sát tranh và trao đổi trong nhóm theo nội dung tranh, có dùng các từ ngữ đã gợi ý.** |

**TIẾT 4**

| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| --- | --- |
| **7**. Nghe viết (17-18’)  - GV : viết lên bảng  - GV đọc to cả hai câu. *(Mẹ nhẹ nhàng đặt nụ hôn vào bàn tay Nam. Nam thấy thật ấm áp.)*  - GV : viết lên bảng  *- Những chữ nào được viết hoa?, tại sao?*  - GV HD cách viết.  + Viết lùi đầu dòng. Viết hoa chữ cái đầu câu và tên riêng của Nam, kết thúc câu có dấu chấm.  + Chữ dễ viết sai chính tả: *tay.*  *- GN* yêu cầu HS ngồi đúng tư thế, cầm bút đúng cách.  - Đọc và viết chính tả:  + GV đọc từng câu cho HS viết. Mỗi câu cần đọc theo từng cụm từ *(Mẹ nhẹ nhàng/ đặt nụ hôn/ vào bàn tay Nam./ Nam thấy/ thật ấm áp.).* Mỗi cụm từ đọc 2-3 lần. GV cẩn đọc rõ ràng, chậm rãi, phù hợp với tốc độ viết của HS.  + GV đọc lại một lần1 toàn đoạn văn và yêu cầu HS rà soát lỗi.  +GV đọc lại một lần2  + GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS.  8. Chọn chữ phù hợp thay cho bông hoa (9-10’)  - GV tổ chức trò chơi; Vượt chướng ngại vật  a. n hay l: …iềm vui, …o lắng , …òng mẹ  b. c hay k: mẹ …on, ….ỉ niệm, …ì diệu  - GV nêu nhiệm vụ: Những từ ngữ trên bảng bị khuyết âm đầu con hãy chọn âm đã cho phù hợp với chỗ bị khuyết. bằng cách viết lần lượt những âm bị khuyết vào bảng con.  9. Hát một bài hát về mẹ(5 - 6’)  - GV đưa lời bài hát thông qua phương tiện dạy học: máy tính, máy chiếu, bảng điện tử,... sau đó cho HS nghe bài hát.  - GV hướng dẫn cả lớp hát một bài hát về mẹ.  10. Củng cố (3-4’)  - Về luyện đọc thêm bài và trả lời lại các câu hỏi, hát nhiều bài hát về mẹ.  - GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS. | - HS 1 em đọc bài viết trên bảng hoặc sgk.  - HS: Chữ được viết hoa: ***Mẹ, Nam***  - HS: 1 em phân tích tiếng tay  - HS tự rà soát lỗi bài của mình.  - HS đổi vở cho nhau để rà soát lỗi.  1HS đọc yêu cầu  **a. n hay l:** n**iềm vui,** l**o lắng,** l**òng mẹ**  b. c hay k: mẹ **c**on, **k**ỉ niệm, **k**ì diệu  - HS làm việc cá nhân  **-** HS đọc to các từ ngữ. Sau đó cả lớp đọcđồng thanh một số lần. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY( nếu có)**

|  |
| --- |
|  |
|  |

**Tiếng Việt**

**LUYỆN TẬP ( 2tiết)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức:**

- Củng cố và nâng cao một số kiến thức, kĩ năng đã học, viết trong bài thông qua việc đọc đúng, rõ ràng các bài: *Nụ hôn trên bàn tay, Cả nhà đi chơi núi.* Thông qua hoạt động viết GV đọc cho học sinh viết lại một đoạn trong bài *Nụ hôn trên bàn tay* “từ đầu… Ở bên con”. Nghe viết một đoạn ngắn.

**2. Phát triển năng lực:**

Kĩ năng quan sát,nghe hiểu, viết trả lời câu hỏi thành thạo .

**3. Phát triển phẩm chất:**

- Biết quan tâm, giúp đỡ bạn bè; khả năng làm việc nhóm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Phương tiện dạy học SGV

- HS:SGK, VBT

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

**Tiết 1**

| 5’  30’ | Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của học sinh |
| --- | --- | --- |
| 1.Ôn  -Trong tuần vừa qua các em đã được học những bài tập đọc nào ?  2. Đọc lại các bài tập đọc đã học trong tuần.  - GV hướng dẫn học sinh luyện đọc từng bài.  Mỗi bài khoảng 3- 4 em đọc theo yêu cầu của giáo viên. | *- HS luyện đọc theo hướng dẫn của GV* |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

|  |
| --- |
|  |



**Tự nhiên xã hội**

**CON VẬT QUANH EM (TT)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

*Sau bài học, HS sẽ:*

- Nêu được tên, mô tả hình dạng, màu sắc, độ lớn của một số con vật thường gặp xung quanh và đặc điểm nổi bật của chúng; đặt được câu hỏi đơn giản để tìm hiểu các con vật; nhận biết được sự đa dạng của động vật.

- Nêu được các bộ phận chính của con vật gồm: đầu, mình và cơ quan di truyền; vẽ hoặc sử dụng được sơ đồ có sẵn để chú thích tên các bộ phận bên ngoài của một con vật.

- Nêu được các lợi ích của con vật. Phân biệt được một số con vật theo lợi ích hoặc tác hại của chúng đối với con người.

- Nhận biết được tầm quan trọng của các con vật có ích, từ đó có thái độ yêu quý, tôn trọng và bảo vệ con vật, đồng thời nhận biết được một số tác hại do một số con vât gây ra, từ đó có ý thức và hành động phù hợp để phòng tránh.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV:

+ Hình trong SGK phóng to (nếu ), phiếu quan sát con vật.

+ Hình về lợi ích của các con vật; giấy khổ lớn cho các nhóm chơi.

- Tùy từng điều kiện, GV cho HS ra vườn trường hoặc khu vực xung quanh trường để quan sát các con vật.

- HS:

+ Sưu tầm các câu đố về con vật, bộ đồ dùng để vẽ hoặc tô màu.

+ Sưu tầm tranh ảnh về lợi ích của các con vật, hồ dán (cho mỗi nhóm).

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

**Tiết 3**

| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| --- | --- |
| **1.Mở đầu:** Mở đầu  -GV cho HS chơi trò chơi ghép chữ vào sơ đồ để chỉ các bộ phận của con vật.  **2.Hoạt động khám phá**  -GV tổ chức cho HS quan sát theo nhóm hoặc cả lớp hình các con vật trong SGK và cho biết các con vật có những lợi ích gì.  -Sau đó, GV chốt: các con vật nuôi có lợi ích: làm thức ăn, làm cảnh, lấy sức kéo,…  -GV hỏi thêm:  +Ngoài những lợi ích của các con vật như đã thể hiện trong hình, em còn thấy con vật có những lợi ích nào khác? (lấy lông, làm xiếc,…)  **3.Hoạt động thực hành**  -Chơi trò chơi: HS làm việc nhóm để dán hình các con vật mà nhóm đã sưu tầm được thành các nhóm theo lợi ích khác nhau. Ngoài 2 nhóm đã gợi ý trong SGK, HS tùy vào hình con vật của mình mà xác định thêm nhóm mới, ví dụ: lấy lông, làm cảnh,…  -Nếu nhóm nào quá ít hình thì GV điều chỉnh giữa các nhóm hoặc bổ sung thêm để các nhóm đều có hình về các con vật với nhiều lợi ích khác nhau.  *Yêu cầu cần đạt*: HS quan sát hình, xác định được lợi ích của chúng và phân loại được các con vật theo lợi ích.  **Hoạt động vận dụng**  ***Hoạt động 1***  -HS quan sát hình các con vật truyền bệnh. GV hỏi:  +Các con vật đó có lợi hay gây hại cho con người? Vì sao?  *Yêu cầu cần đạt:* HS giải thích được tác hại của một số con vật và có ý thức phòng tránh.  ***Hoạt động 2***  GV cho HS thảo luận cả lớp để trả lời câu hỏi:  + Em nhìn thấy gì trong hình?  + Vì sao chúng ta phải ngủ màn?  *Yêu cầu cần đạt:* HS mạnh dạn, tự tin nêu ra lí do cần phải ngủ màn.   1. **Đánh giá**   -HS yêu quý các con vật và có ý thức phòng tránh bệnh tật từ các con vật truyền bệnh.  -Định hướng phát triển năng lực và phẩm chất: GV tổ chức cho HS thảo luận về hình tổng kết cuối bài để thấy được thái độ yêu quý vật nuôi.   1. **Hướng dẫn về nhà**   -Tìm hiểu về các biện pháp chăm sóc và bảo vệ vật nuôi.  **\* Tổng kết tiết học**  - Nhắc lại nội dung bài học  - Nhận xét tiết học  - Hướng dẫn hs chuẩn bị bài sau | * HS chơi trò chơi ghép chữ   - HS quan sát hình trong SGK, thảo luận nhóm về lợi ích của cây  - Đại diện nhóm trình bày  - Nhận xét, bổ sung.  - HS nêu   * HS trả lời * HS chơi trò chơi   - HS xác định nhóm và tham gia  - HS sẽ đi tham quan và nghe phần thuyết minh   * HS làm việc theo nhóm hoặc cả lớp, liên hệ thực tế * HS trả lời * HS lắng nghe * HS hảo luận cả lớp * HS trả lời * HS lắng nghe và thực hiện * HS nêu * HS lắng nghe * HS nhắc lại * HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

|  |
| --- |
|  |

*Thứ tư ngày 31 tháng 1 năm 2024*

**Toán**

**Bài 22:So sánh số có hai chữ số**

**( 3 tiết)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:**

Biết cách so sánh hai số có hai chữ số ( dựa vào cấu tạo số, so sánh các số chục rồi so sánh số đơn vị ). Vận dụng để xếp thứ tự các sô ( từ bé đến lớn hoặc từ lớn đến bé), xác định số lớn nhất, số bé nhất trong một nhóm các số cho trước ( có không quá 4 số).

**2. Năng lực:**

**a. Năng lực chung:**

## Năng lực tự chủ và tự học:Bước đầu nắm được cấu tạo số .

## + NL giao tiếp toán học: HS so sánh thảo luận trong nhóm và trình bày KQ trước lớp trong (HĐ2) (GTTH)

Biết trao đổi giúp đỡ nhau hoàn thành các bài tập cấu tạo số (theo hệ thập phân)

**b. Năng lực đặc thù:**

## + NL Tư duy và lập luận toán học: Phát triển năng lực phân tích, so sánh, đối chiếu khi tìm cách so sánh hai số. (TDLL).

+ NL mô hình hóa toán học: HS có năng lực vận dụng từ “quy tắc” (mô hình) so sánh hai số có hai chữ số vào các trường hợp cụ thể, giải các bài toán thực tế.

**3. Phẩm chất:**

## +Trách nhiệm: HS tham gia và có trách nhiệm hoàn thành nhiệm vụ chung của nhóm (TN)

## + Chăm chỉ: HS tích cực tham gia các hoạt động học. (CC)

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Bộ đồ dùng học toán 1.

- Các phiếu ( photo tranh bài tập 4 trong sách giáo khoa) để HS thực hiện theo cặp đôi.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 2: Luyện tập**

| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| --- | --- |
| **1.Khởi động( 3-5’):** Trò chơi :  *“ Sai ở đâu? Sửa thế nào?”*  **Cách chơi:**  **-** Giáo viên đưa các bài toán so sánh các số trong phạm vi 10 lên bảng:  14 > 9156> 65  35<37 90 >89  68 = 80 + 6 71< 81  - GV chia lớp thành 2 đội. Các đội chơi sẽ thảo luận trong vài phút phút để truy tìm ra chỗ sai của bài toán, đồng thời đưa ra phương án sửa sai.  - Đội tìm ra và có phương án sửa sai nhanh nhất sẽ trình bày đáp án, nếu chưa đúng thì các đội sau có quyền xin trả lời, khi nào lời giải đã đúng thì khi đó trò chơi sẽ dừng lại.  - Đội chiến thắng là đội tìm ra nhanh nhất những chỗ sai, chỉ ra nguyên nhân sai và sửa lại cho đúng.  - GV nhận xét, tuyên dương  - GV giới thiệu bài: Hôm nay, chúng ta sẽ tiếp tục So sánh các số có hai chữ số (tiết 2)  **2. Luyện tập(25-27’)**  **Bài 1: ( 3-5’):** **Số nào lớn hơn trong mỗi cặp?**  - Cho HS đọc yêu cầu  - GV hỏi: *Đề bài yêu cầu chúng ta làm gì?*  - Đính tranh hướng dẫn học sinh so sánh.  - GV cho HS “Đố bạn” theo nhóm đôi: 1 bạn hỏi, 1 bạn trả lời, giải thích vì sao?  - GV nhận xét, chốt đáp án.  **Bài 2: ( 3-5’):**  **Số nào bé hơn trong mỗi cặp?**  - Cho HS đọc yêu cầu  - Muốn tìm được số bé hơn em cần làm gì ?  - Phát phiếu học tập yêu cầu HS làm phiếu bt .  - GV nhận xét chốt đáp án.  GIẢI LAO  **Bài 3: ( 3-5’):**  - Cho HS đọc yêu cầu bài  - Gv đính các ô tô theo hình trong sách.  Hỏi: Để sắp xếp các số theo thứ tự từ bé đến lớn ta cần làm gì?    - GV nhận xét,kết luận: Chúng ta cần so sánh, các số tìm số bé nhất xếp đầu tiên , số bé nhất xếp sau cùng. Từ đó đổi chỗ hai ô tô để xếp được số theo thứ tự từ bé đến lớn.  **Bài 4: ( 3-5’):**  - Cho HS đọc yêu cầu bài  - Gv đính các ô tô theo hình trong sách.  Hỏi: Để sắp xếp các số theo thứ tự từ bé đến lớn ta cần làm gì?    - GV nhận xét, kết luận tương tự bài 3.  **Chơi trò chơi: ( 5-7’):**   * GV nêu cách chơi:   +Người chơi bắt đầu từ ô xuất phát, khi đến lượt, người chơi gieo xúc xắc. Đếm số chấm ở mặt trên xúc xắc rồi di chuyển số ô bằng số chấm nhận được. Đọc số bé hơn trong ô đó.  +Khi di chuyển đến chân cầu thang hãy leo lên. Nếu là ô ở đỉnh cầu trượt, hãy trượt xuống.  +Trò chơi kết thúc khi có người về đích.  - GV phân chia nhóm 4 HS chơi.  - GV giám sát các em chơi, nhóm nào thắng sẽ được tuyên dương.  **3.**  **Củng cố - dặn dò:**  - Yêu cầu học sinh đếm và so sánh số bạn nam và bạn nữ trong lớp.  - Nhận xét  - GV nhận xét chung giờ học, tuyên dương những em học tốt, nhắc nhở các em chưa chú ý. | - Cả lớp cùng chơi cùng truy tìm ra chỗ sai của bài toán, đồng thời đưa ra phương án sửa sai.  - HS đọc yêu cầu.  - HS xung phong trả lời.  - HS mở SGK trang 18.  - HS “Đố bạn” theo nhóm đôi: 1 bạn hỏi, 1 bạn trả lời, giải thích vì sao?  - Đại diện các nhóm trả lời, nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - 1 Hs đọc yêu cầu bài 2  - Cá nhân HS trả lời : ta cần so sánh hai số.  - Cả lớp làm bài tập phiếu học tập.  - HS đọc và nêu yêu cầu bài tập.  - HS trả lời.  - HS xung phong lên bảng đổi chỗ hai chiếc ô tô để được kết quả đúng.  - Lớp nhận xét, sửa sai.  - HS đọc và nêu yêu cầu bài tập.  - HS trả lời.  - HS xung phong lên bảng đổi chỗ hai chiếc ô tô để được kết quả đúng.  - Lớp nhận xét, sửa sai.  - HS chơi theo nhóm 4.    - HS chọn ra nhóm thắng  - Đếm và so sánh theo yêu cầu.  - HS lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY( nếu có)**

|  |
| --- |
|  |
|  |

**Tiếng Việt**

**Bài 2: LÀM ANH (2 tiết)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Phát triển kĩ năng đọc thông qua thông qua việc đọc đúng, rõ *Thứ tư ngày 8 tháng 2 năm 2023*

ràng một bài thơ, hiểu và trả lời đúng các câu hỏi có liên quan đến nội dung bài thơ, nhận biết được một số tiếng cùng vần với nhau, củng thông qua việc đọc đúng, rõ ràng một bài thơ; hiểu và trả lời đúng các câu hỏi có liên quan đến nội dung bài thơ; nhận biết một số tiếng cùng vẩn với nhau, củng cố kiến thức vể vẩn; thuộc lòng bài thơ và cảm nhận được vẻ đẹp của bài thơ qua vẩn và hình ảnh thơ; quan sát, nhận biết được các chi tiết trong tranh và suy luận từ tranh được quan sát.

- Phát triển kĩ năng nói và nghethông qua hoạt động trao đổi vể nội dung của VB và nội dung được thể hiện trong tranh.

-Tự chủ và tự học: HS tự hoàn thành nhiệm vụ học tập của bản thân.

- Nhân ái: cảm nhận được giá trị của gia đình, biết yêu thương và bày tỏ tình cảm của bản thân với anh chị em trong gia đình.

- Trung thực: đánh giá đúng về bạn và về bản thân

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

1.GV: Nắm được đặc điểm vần, nhịp của bài thơ làm anh

Tranh minh hoạ có trong SHS được phóng to hoặc máy tính có phần mềm phù hợp, máy chiếu, màn hình, bảng thông minh.

2. Học sinh:SGK, VBT

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| --- | --- |
| 1. Khởi động (4-5’)  - Ôn: GV gọi 2 học sinh đọc bài *Nụ hôn trên bàn tay* và trả lời câu hỏi.  *Mẹ dặn Nam àm điều gì?*  - Khởi động:  + GV yêu cầu HS quan sát tranh và trao đổi nhóm để trả lời các câu hỏi.  a. *Người em nói gì với anh?*  b. *Người anh nói gì với em?*  c. *Tình cảm của người anh đối với em như thế nào?*  + GVvà HS thống nhất nội dung câu trả lời, sau đó dẫn vào bài thơ *Làm anh.*  2. Đọc (24 - 25’)  - GV đọc mẫu toàn bài thơ. Chú ý đọc diễn cảm, ngắt nghỉ đúng nhịp thơ.  - HS đọc từng dòng thơ  + Luyện đọc nối tiếp từng dòng thơ lần 1.  - GV hướng dẫn HS luyện đọc một số từ ngữ có thể khó đối với HS (dỗ *dành, dịu dàng).*  + Luyện đọc nối tiếp từng dòng thơ lần 2.  - GV hướng dẫn HS cách đọc, ngắt nghỉ đúng dòng thơ, nhịp thơ.  HS đọc từng khổ thơ  + GV hướng dẫn HS nhận biết khổ thơ.  + GV giải thích nghĩa của một số từ ngữ trong bài thơ:  dỗ *dành:* tìm cách nói chuyện để em bé không khóc;  (nâng) *dịu dàng:* đỡ em bé dậy mà không làm em bé bị đau  + HS đọc từng khổ thơ theo nhóm.  - Các bạn nhận xét, đánh giá.  - HS đọc cả bài thơ  3.Tìm tiếng cùng vần với mỗi tiếng *bánh, đẹp, vui( 5-6’)*  - GV hướng dẫn HS làm việc nhóm, cùng đọc lại bài thơ và tìm tiếng ngoài bài cùng vần với một số tiếng trong bài: *bánh, đẹp, vui.*  - GV yêu cầu một số HS trình bày kết quả. GV và HS nhận xét, đánh giá. | - 2 HS đọc bài và trả lời câu hỏi.  *- Mẹ dặn Nam: “Mỗi khi lo lắng, con hãy áp bàn tay này lên má";*  *Người em nói: anh cho em mượn chiếc ô tô của anh….*  - anh  Quan tâm ,…  HS đọc từ khó CN  - HS đọc nối tiếp từng dòng thơ lần 1.  - HS đọc nối tiếp từng dòng thơ lần 2.  + HS đọc nối tiếp từng khổ thơ, 2 lượt.  + HS đọc khổ thơ trong nhớm, mỗi HS đọc một khổ thơ.  + Thi đọc khổ thơ trong nhóm.  + 2 HS đọc thành tiếng cả bài thơ.  + Lớp đọc đồng thanh cả bài thơ  - HS làm việc nhóm, cùng đọc lại bài thơ và tìm tiếng ngoài bài cùng vần với một số tiếng trong bài: *bánh, đẹp, vui.*  *- bánh: chánh – cánh- lanh lảnh…*  *- đẹp: chép- lép - khép – mép…*  - vui: mùi- đùi – cùi- cúi – lúi húi…  - HS viết những tiếng tìm được vào vở. |

**TIẾT 2**

| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| --- | --- |
| 4.Trả lời câu hỏi(9- 10’)  - GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để tìm hiểu bài đọc và trả lời các câu hỏi  a. *Làm anh thì cần làm những gì cho em?*  b. *Theo em, làm anh dễ hay khó?* (Câu hỏi mở.)  c. *Em thích làm anh hay làm em? Vì sao?* (Câu hỏi mở.)  - GV đọc từng câu hỏi và gọi một số HS trình bày câu trả lời. Các bạn nhận xét, đánh giá.  - GV và HS thống nhất câu trả  5. Học thuộc lòng(9-10’)  - GV treo bảng phụ hoặc trình chiếu hai khổ thơ cuối của bài thơ *Làm anh.*  - GV hướng dẫn HS học thuộc lòng hai khổ thơ cuối bằng cách xoá/ che dần một số từ ngữ trong hai khổ thơ cho đến khi xoá/ che hết. HS nhớ và đọc thuộc cả những từ ngữ bị xoá/ che dần. Chú ý để lại những từ ngữ quan trọng cho đến khi HS thuộc lòng bài thơ.  - GV nhận xét  6. Kể về anh, chị hoặc em của em( 9-10’)  **-** GV đưa ra một số câu hỏi gợi ý:  *+ Em của em là trai hay gái?*  *+ Em của em mấy tuổi?*  *+Em của em đã đi học chưa, học trường nào?*  *+Sở thích của em bé là gì?*  *+Có khi nào em bé làm em khó chịu không? Vì sao?*  *+ Em cảm thấy thế nào khi chơi đùa cùng em bé?*  GV lưu ý: anh, chị, em có thể là anh, chị, em “ruột” hoặc anh, chị, em “họ” vì có thể nhiều HS là con một, duy nhất trong gia đình.  - GV yêu cầu HS luyện tập theo nhóm.  GV và HS nhận xét.  7. Củng cố ( 4- 5’)  - 1 HS đọc thuộc lòng 1,2 khổ thơ vừa hoc.  - Về nhà học bài và tập chép 1 khổ thơ vào vở.  - GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS**.** | - HS làm việc nhóm để tìm hiểu bài đọc và trả lời các câu hỏi.  *a.Dỗ em, khi em khóc; nâng em dậy, khi em ngã; cho em quà bánh phần hơn; nhường em đồ chơi đẹp.*  **-** 2 HS đọc thành tiếng hai khổ thơ.  *- HS luyện học thuộc longf2 khổ thơ*  *- Một số em đọc thuộc lòng 1,2 khổ thơ tại lớp.*  **+ Từng HS trong nhóm nói về anh/ chị/ em trong gia đình.**  + Đại diện một vài nhóm nói trước lớp |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY( nếu có)**

|  |
| --- |
|  |
|  |



*Thứ năm ngày 1 tháng 02 năm 2024*

**Tiếng Việt**

**Bài 3: CẢ NHÀ ĐI CHƠI NÚI (4 tiết)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Phát triển kĩ năng đọc thông qua thông qua việc đọc đúng, đọc rõ ràng một văn bản tự sự đơn giản. Đọc đúng các vần *uya, uyp, uynh,uych, uyu* và các tiếng có chứa các vần *uya, uyp, uynh,uych, uyu* ; hiểu và trả lời đúng các câu hỏi có liên quan đến văn bản.

- Phát triển kĩ năng viết thông qua hoạt động viết lại đúng câu trả lời cho câu hỏi trong VB đọc; hoàn thiện câu dựa vào những từ ngữ cho sẵn và viết lại đúng câu đã hoàn thiện và nghe viết một đoạn ngắn.

- Phát triển kĩ năng nói và nghethông qua hoạt động trao đổi vể nội dung của VB và nội dung được thể hiện trong tranh.

-Giao tiếp và hợp tác: HS biết bày tỏ ý kiến khi tham gia làm việc nhóm.

- Nhân ái: HS biết quan tâm, giúp đỡ, chia sẻ niềm vui, nỗi buồn với những người thân trong gia đình

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Kiến thức ngữ văn**

- GV nắm được đặc điểm của VB tự sự, kể lại một trải nghiệm từ ngôi thứ ba, không có lời thoại; nội dung của VB *Cả nhà đi chơi núi,* cách thể hiện đặc điểm nhân vật và quan hệ giữa các nhân vật trong câu chuyện.

- GV nắm được đặc điêìn phát âm, cấu tạo các vần *uya, uyp, uynh, uych, uyư,* nắm được nghĩa của các từ ngữ khó trong VB *(tuýp thuốc, côn trùng, huỳnh huych, khúc khuỷu)* và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này.

**2. Phương tiện dạy học**

- GV:Tranh minh hoạ trong SHS (tranh gia đình đi biển, gia đình đi tham quan hang động, gia đình đi thăm bảo tàng, gia đình đi chơi công viên) được phóng to hoặc máy tính có phần mềm dạy chữ, máy chiếu, màn hình, bảng thông minh.

- HS: SGK, VBT

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| --- | --- |
| **1. Khởi động (4-5’)**  **-** Ôn: Gọi 2 học sinh học thuộc lòng 2 khổ thơ cuối bài *Làm anh.*  - GV nhận xét  + GV yêu cầu HS quan sát tranh và trao đổi nhóm để trả lời các câu hỏi  a. *Gia đình trong tranh gồm những ai?*  b. *Họ có vui không? Vì sao em biết.*  + GV và HS thống nhất nội dung câu trả lời.  + GV dẫn vào bài đọc *Cả nhà đi chơi núi.*  2. Đọc (29-30’)  - GV đọc mẫu toàn VB.  - GV hướng dẫn HS luyện phát âm một số từ ngữ có vần mới.  + GV ghi từ ngữ này lên bảng và hướng dẫn HS đọc.  + GV đọc mẫu lần lượt từng vần và từ ngữ chứa vần đó.  - HS đọc câu  + Luyện đọc nối tiếp từng câu lần 1.  + GV hướng dẫn HS luyện phát âm một số từ ngữ tuy không chứa vần mới nhưng có thể khó đối với HS.  + Luyện đọc nối tiếp từng câu lần 2.  + GV hướng dẫn HS đọc những câu dài. **(**VD: *Bố mẹ/ cho Nam và Đức/ đi chơi núi; Hôm trước,/ mẹ thức khuya/ để ĐỒ DÙNG DẠY HỌC quần áo,/ thức ấn,/ nưốc uống/ và cả tuýp thuốc chống côn trùng; Càng lên cao,/ đường càng dốc/ và khúc khuỷu,/ bố phải cõng Đức.)*  GV đọc mẫu câu dài  Cô ngắt hơi ở những chỗ nào?  - HS đọc đoạn  + GV chia đoạn (đoạn 1: từ đầu đến *côn trùng,* đoạn 2: từ *Hôm sau* đến *anh em,* đoạn 3: phần còn lại).  GV giải thích nghĩa của một số từ ngữ trong bài**:**  ***tuýp thuốc:***ống nhỏ, dài trong có chứa thuốc;  ***côn trùng:***chỉ loài động vật chân đốt, có râu, ba đôi chân và phần lớn có cánh;  ***huỳnh huych:***từ mô phỏng tiếng động trầm, liên tiếp do một hoạt động nặng nhọc nào đó gây ra (chạy huỳnh huỵch);  ***khúc khuỷu:***không bằng phẳng, có nhiều đoạn gấp khúc ngắn liên tiếp nhau (kết hợp với trực quan qua tranh).  + HS đọc đoạn theo nhóm.  + GV nhận xét và chuyển tiếp sang phần trả lời câu hỏi | - 2 HS lần lượt đọc.  - Gia đình có 4 người đó là bố, mẹ và 2 con.  - Họ rất vui vẻ, họ đang cùng nhau đi du lịch, đang tắm biển…  + HS trả lời câu hỏi. Các HS khác có thể bổ sung nếu câu trả lời của các bạn chưa đầy đủ hoặc có câu trả lời khác.  - HS lắng nghe.  **+ HS làm việc nhóm đôi để tìm từ ngữ có tiếng chứa vần mới trong bài: *uya (khuya); uyp (tuýp thuốc); uynh, uy ch (huỳnh huy ch); uyu (khúc khuỷu).***  **+ HS đánh vần, đọc trơn, sau đó cả lớp đọc đổng thanh một số lần.**  - HS đọc từ khó CN - ĐT  **- HS đọc nối tiếp từng câu lần 1.**  **HS trả lời.**  **- 1HS đọc lại câu dài. Lớp đọc ĐT**  **- HS đọc nối tiếp từng câu lần 2.**  + HS đọc nối tiếp từng đoạn, 2 lượt.  - HS luyện đọc trong nhóm.  - Thi đọc trước lớp.  **+ 1 - 2 HS đọc thành tiếng toàn bài .** |

**TIẾT 2**

| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| --- | --- |
| 3.Trả lời câu hỏi (14- 15’)  **- GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để tìm hiểu VB và trả lời các câu hỏi**  a. *Nam và Đức được bố mẹ cho đi đâu?*  b. *Mẹ c những gì cho chuyến huẩn bịđi?*  c. *Đến đoạn đường dốc và khúc khuỷu, bố phải làm gì?.*  **- GV đọc từng câu hỏi và gọi đại diện một số nhóm trình bày câu trả lời. Các nhóm khác nhận xét, đánh giá. GV và HS thống nhất câu trả lời**  4.Viết vàọ vở câu trả lời cho câu hỏi c ở mục 3 (18-20’)  **GV gọi 1 HS đọc lại câu hỏi c mục 3.**  **Gọi 1 hs nhắc lại câu trả lời**  **- GV nhắc lại câu trả lời đúng cho câu hỏi c và hướng dẫn HS viết câu trả lời vào vở** *(Đến đoạn đường dốc và khúc khuỷu, bổ phải cõng Đức.).*  *- Trong câu này từ nào được viết hoa?*  *- Tại sao những từ đó lại được viết hoa?*  **- GV lưu ý HS viết hoa chữ cái đầu câu; đặt dấu chấm, dấu phẩy đúng vị trí.**  **- GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS.** | - HS làm việc nhóm để tìm hiểu VB và trả lời các câu hỏi.  a. *Nam và Đức được bố mẹ cho đi chơi núi;*  b. *Mẹ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC nhiều thứ cho chuyến đi như: quần áo, thức ăn, nước uống và cả tuýp thuốc chống côn trùng;*  c. *Đến đoạn đường dốc và khúc khuỷu, bố phải cõng Đức.*  **c. *Đến đoạn đường dốc và khúc khuỷu, bố phải làm gì?.***  **c. *Đến đoạn đường dốc và khúc khuỷu, bố phải cõng Đức.***  **-** Từ *đến* và từ *Đức*  *- Vì chữ đầu câu và tên riêng.*  *- HS viết bài vào VBT* |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY( nếu có)**

|  |
| --- |
|  |
|  |

**Toán**

**Bài 22:So sánh số có hai chữ số**

**( 3 tiết)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:**

Biết cách so sánh hai số có hai chữ số ( dựa vào cấu tạo số, so sánh các số chục rồi so sánh số đơn vị ). Vận dụng để xếp thứ tự các sô ( từ bé đến lớn hoặc từ lớn đến bé), xác định số lớn nhất, số bé nhất trong một nhóm các số cho trước ( có không quá 4 số).

**2. Năng lực:**

**a. Năng lực chung:**

## Năng lực tự chủ và tự học:Bước đầu nắm được cấu tạo số .

## + NL giao tiếp toán học: HS so sánh thảo luận trong nhóm và trình bày KQ trước lớp trong (HĐ2) (GTTH)

Biết trao đổi giúp đỡ nhau hoàn thành các bài tập cấu tạo số (theo hệ thập phân)

**b. Năng lực đặc thù:**

## + NL Tư duy và lập luận toán học: Phát triển năng lực phân tích, so sánh, đối chiếu khi tìm cách so sánh hai số. (TDLL).

+ NL mô hình hóa toán học: HS có năng lực vận dụng từ “quy tắc” (mô hình) so sánh hai số có hai chữ số vào các trường hợp cụ thể, giải các bài toán thực tế.

**3. Phẩm chất:**

## +Trách nhiệm: HS tham gia và có trách nhiệm hoàn thành nhiệm vụ chung của nhóm (TN)

## + Chăm chỉ: HS tích cực tham gia các hoạt động học. (CC)

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Bộ đồ dùng học toán 1.

- Các phiếu ( photo tranh bài tập 4 trong sách giáo khoa) để HS thực hiện theo cặp đôi.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 3**

| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| --- | --- |
| **1. Khởi động**  **2. Luyện tập ( 30-32’)**  Bài tập 1:  Mục tiêu: Giúp HS củng cố cách so sánh các số có hai chữ số.  Phương pháp: trực quan, thực hành   * GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài 1 * GV hướng dẫn HS làm bài.   GV đưa mẫu lên màn hình, giải thích mẫu  Mẫu : 18 > 81 S  -GV đưa từng phần lên màn hình   * GV cho cả lớp quan sát đáp án ttrên màn hình.     Chốt : GV nhận xét HS làm bài.  **Bài tập 2 :**   * GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài 1   - GV đưa bài lên màn hình để chữa bài    - Gv yêu cầu một vài HS giải thích cách làm    14 ? 29 36 ? 36    80 ? 75 78 ? 22  Chốt: Muốn điền dấu vào ô trống ta làm thế nào?  b) GV cho HS quan sát bài tập 2 (đã làm phần a)  -GV gọi HS đọc yêu cầu bài tập  - GV hỏi: Phần b yêu cầu gì  -Chữa bài  GV chốt : Cần quan sát kĩ để tìm đường cho ô tô đi đến trạm xăng.  **Bài tập 3:**  GV gọi HS đọc đề bài  a)-Yêu cầu HS đọc to câu hỏi a  -GV nhắc lại: Lớp 1A và lớp 1 B, lớp nào có nhiều HS hơn?  b)-Yêu cầu HS đọc to câu hỏi b  -GV nhắc lại: Lớp 1B và lớp 1 C, lớp nào có ít HS hơn?  -Yêu cầu HS giải thích  c) GV gọi HS đọc yêu cầu:  Lớp nào có nhiều HS nhất?  Chữa bài : GV yêu cầu HS giải thích  d) GV gọi HS đọc yêu cầu  Lớp nào có ít HS nhất?  Chốt: Để Trả lời đúng các câu hỏi của bài, em cần làm gì?:  **3. Củng cố - Dặn dò ( 2-3 phút)**   * Bài học hôm nay giúp em củng cố kiến thức gì ? * Chốt: Nêu cách so sánh hai số có hai chữ số ?   -GV đưa phần kết luận lên màn hình:  Kết luận:  Khi so sánh hai các số có hai chữ số ta so sánh chữ số hàng chục nếu chữ số hàng chục bằng nhau thì chúng ta so sánh sang hàng đơn vị, nếu chữ số ở hàng đơn vị nào bé hơn thì nó bé hơn, chữ số hàng đơn vị nào lớn hơn thì nó lớn hơn.   * GV nhận xét tiết học, tuyên dương những bạn HS chăm chú tham gia phát biểu xây dựng bài, nhắc nhỏ HS chưa chú ý. * Dặn dò HS về nhà ĐỒ DÙNG DẠY HỌC bài tiếp theo. | * Hát   -HS đọc yêu cầu của bài tập  -HS lắng nghe, làm theo hướng dẫn của GV.   * HS đọc mẫu- Giải thích mẫu * HS làm Vở BT các phần còn lại   -HS nêu kết quả từng phần- HS lắng nghe, nhận xét  b) 90 < 95 điền Đ - HS giải thích  c) 45 > 14 điền Đ - HS giải thích  d) 90 < 49 điền Đ - HS giải thích  -HS đọc yêu cầu- HS lắng nghe.  -HS làm việc nhóm đôi ( 2 phút)  -Đại diện từng nhóm trình bày kết quả - - HS tiếp sức chữa bài (mỗi nhóm 1 phép so sánh)  -Ta phải so sánh hai số  -HS đọc yêu cầu  -HS nhắc lại yêu cầu  -HS làm bài cá nhân ( Vở BT)  - HS lên bảng chỉ trên màn hình đường đi đến trạm xăng  HS cả lớp quan sát – nhận xét  -HS đọc đề bài  -HS làm bảng con- Ghi đáp án ở bảng con - Giơ bảng  - Nêu : Ta so sánh 33 và 30  33 > 30  Vậy lớp 1A có nhiều HS hơn lớp 1 B,  HS làm bảng con - Ghi đáp án ở bảng con ( Lớp 1B)- Giơ bảng  - Nêu : Ta so sánh 30 và 35  30 < 35  Vậy lớp 1B có ít HS hơn lớp 1 C.  -HS đọc yêu cầu phần c  - HS nhắc lại yêu cầu  -HS ghi đáp án ở bảng con ( Lớp 1C)- Giơ bảng  - HS giải thích cách làm : Em so sánh ba số: 33, 30, 35, chữ số hàng chục giống nhau, hàng đơn vị : 5 > 3 , 5 > 0  -HS đọc yêu cầu  -HS trả lời ; Lớp 1B có ít HS nhất  HS giải thích,,,,  -1 HS trả lời – HS nhận xét: Để trả lời đúng các câu hỏi của bài toán, em cần đọc kĩ đề bài, đọc kĩ câu hỏi của bài rồi so sánh các số có hai chữ số để trả lời câu hỏi.  - Bài học củng cố kiến thức so sánh số có hai chữ số.  -HS quan sát.-lắng nghe bạn trả lời:.  Khi so sánh hai các số có hai chữ số ta so sánh chữ số hàng chục nếu chữ số hàng chục bằng nhau thì chúng ta so sánh sang hàng đơn vị, nếu chữ số ở hàng đơn vị nào bé hơn thì nó bé hơn, chữ số hàng đơn vị nào lớn hơn thì nó lớn hơn.  -HS lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY( nếu có)**

|  |
| --- |
|  |
|  |

**Đạo đức**

**KHÔNG NÓI DỐI**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

Sau bài học này*;* HS sẽ:

1.Phát triển năng lực

* Nêu được một số biểu hiện của việc nói dối.
* Biết vì sao không nên nói dối và lợi ích của việc nói thật.
* Chủ động rèn luyện thói quen nói thật.

2. Phát triển phẩm chất

* Đồng tình với những thái độ, hành vi thật thà; không đồng tình với những thái độ,hành vi không thật thà.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

* SGK, SGV, Vở bài tập Đạo đức 1;
* Tranh ảnh, bài hát, truyện (truyện ngụ ngôn “Cậu bé chăn cừu”), hình dán mặt  
  cười - mặt mếu,... gắn với bài học “Không nói dối”;
* Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng powerpoint,... (nếu có điều kiện).

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

**TIẾT 1**

| **Hoạt động dạy** | **Hoạt động học** |
| --- | --- |
| **1. Khởi động**  ***Tổ chức hoạt động tập thể***   * GV yêu cầu HS kể lại truyện ngụ ngôn “Cậu bé chăn cừu” hoặc GV kể lại cho cả lớp nghe. * GV đặt câu hỏi: Cậu bé chăn cừu đã nói dối điều gì? Vì nói dối cậu bé chăn cừu đãnhận hậu quả gì? * HS suy nghĩ, trả lời. | -HS hát  -HS trả lời |

| *Kết luận:* Nói dối là tính xấu mà chúng ta cẩn tránh. Cậu bé chăn cừu vì nói dối quánhiều mà đã đánh mất niềm tin của mọi người và phải chịu hậu quả cho những lỗi lầm của mình.   1. **Khámphá**   ***Khám phá vì sao không nên nói dối***  - GV treo 5 tranh (hoặc dùng các phương tiện dạy học khác để chiếu hình) và kể câuchuyện “Cất cánh”.  + Tranh 1: Trên ngọn núi cao, sát bờ biển, có gia đình đại bàng dũng mãnh sinh sống. + Tranh 2: Muốn các con giỏi giang, đại bàng mẹ căn dặn: Các con hãy chăm chỉluyện tập!  + Tranh 3: Trên biển, đại bàng đen siêng năng tập bay còn đại bàng nâu nằm ngủ.  + Tranh 4: Sắp đến ngày phải bay qua biển, đại bàng mẹ hỏi: Các con tập luyện tốtchưa? Nâu và đen đáp: Tốt rồi ạ!  + Tranh 5: Ngày bay qua biển đã đến, đại bàng mẹ hô vang: Cất cánh nào các con!Đại bàng đen bay sát theo mẹ, đại bàng nâu run rẩy rồi rơi xuống biển sâu.  \_ GV mời một HS kể tóm tắt câu chuyện. Mời các HS trong lớp bổ sung nếu thiếunội dung chính.   * GV đặt câu hỏi hướng dẫn HS tìm hiểu truyện:   + Đại bàng nâu đã nói dối mẹ điều gì?  + Vì nói dối, đại bàng nâu nhận hậu quả như thế nào?  + Theo em, vì sao chúng ta không nên nói dối?   * GV khen ngợi, tổng kết ý kiến của HS qua lời kết luận sau:   *Kết luận:* Vì nói dối mẹ nên đại bàng nâu đã bị rơi xuống biển. Nói dối không nhữngcó hại cho bản thân mà còn bị mọi người xa lánh, không tin tưởng.   1. **Luyện tập**   ***Hoạt động 1 Em chọn cách làm đúng***   * GV treo tranh (hoặc dùng các phương tiện dạy học khác để chiếu hình), chia HStheo nhóm (4 hoặc 6 HS), nêu rõ yêu cầu: Em chọn cách nào? Vì sao? (Trong tinhhuống bạn nhỏ nghe mẹ hỏi: Con đang ôn bài à?)   + Cách làm 1: Bạn nói: Con đang ôn bài ạ! *(Khi bạn đang chơi xếp hình)*  + Cách làm 2: Bạn nói: Vâng ạ!  + Cách làm 3: Bạn nói: Con đang chơi xếp hình ạ!  - GV mời đại diện một nhóm lên trình bày, mời tiếp nhóm khác nếu có cách lựa chọnkhác nhóm thứ nhất. Mời một HS nêu ý kiến vì sao không chọn.  - GV khen ngợi HS và kết luận:  + Chọn: cách làm 2: Bạn làm đúng theo lời mẹ và nói thật; cách làm 3: Bạn nói thật. + Không chọn: Cách làm 1 vì bạn vẫn đang chơi mà nói dối mẹ, không ôn bài.  ***Hoạt động 2 Chia sẻ cùng bạn***   * GV đặt câu hỏi: Đã có khi nào em nói dối chưa? Khiđóemcảmthấynhưthế nào? * GV tuỳ thuộc vào thời gian của tiết học có thể mờimột số HSchia sẻ trướclớp hoặccác em chia sẻ theo nhóm đôi. * HS chia sẻ qua thực tế của bản thân. * GV nhận xét và khen ngợi những câu trả lời trung thực.   **4. Vận dụng**  ***Hoạt động 1 Xử lí tình huống***   * GV hướng dẫn và mời HS nêu nội dung của tình huống: Cô giáo yêu cầu kiểm trađồ dùng học tập, bạn gái để quên bút chì, bạn sẽ nói gì với cô giáo? * GV cho HS thảo luận theo nhóm đôi. * GV mời đại diện một sổ nhóm trình bày. * GV động viên, khen ngợi những bạn, nhóm trả lời tốt. * GV đưa ra những lời nói khác nhau, ví dụ:   + Cách 1: Tớ sợ cô phê bình, cậu cho tớ mượn một cái bút chì nhé!  + Cách 2: Thưa cô! Con xin lỗi, con để quên bút chì ạ!  + Cách 3: Thưa cô! Mẹ con không để bút chì vào cho con ạ!   * HS ghi lại số thứ tự (1 hay 2, 3) ở cách nói nào mình chọn trong mỗi tình huống. * GV tổng kết các lựa chọn của cả lớp, ghi lên bảng và mời một số HS chia sẻ, vì saolại chọn cách nói đó.   *Kết luận:* Nói thật giúp ta tự tin và được mọi người yêu quý, tin tưởng, giúp đỡ, nhất lànói thật trong học tập giúp ta ngày càng học giỏi, tiễn bộ hơn.  ***Hoạt động 2 Em cùng các bạn nói lời chân thật***   * HS đóng vai nhắc nhau nói lời chân thật, HS có thể tưởng tượng và đóng vai theocác tình huống khác nhau. * Ngoài ra, GV nhắc HS về nhà ôn lại bài học và thực hiện nói lời chân thật với thầycô, cha mẹ, bạn bè,... để được mọi người yêu quý và tin tưởng.   *Kêt luận:* Em luôn nói lời chân thật.  *Thông điệp:*GV chiếu/viết thông điệp lên bảng (HS quan sát trên bảng hoặc nhìn vàoSGK), đọc. | - HS quan sát tranh  - HS trả lời  - Các nhóm lắng nghe, bổ sung ý kiến cho bạn vừa trình bày.     - HS lắng nghe          - Học sinh trả lời        - HS tự liên hệ bản thân kể ra.        HS lắng nghe.  - HS quan sát  - HS chọn  - HS lắng nghe  - HS quan sát  - HS trả lời  - HS chọn  - HS lắng nghe  - HS chia sẻ  - HS nêu  - HS lắng nghe  - HS thảo luận và nêu  - HS lắng nghe |
| --- | --- |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

|  |
| --- |
|  |



**Tiếng Việt**

**LUYỆN TẬP ( 2tiết)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức:**

- Củng cố và nâng cao một số kiến thức, kĩ năng đã học, viết trong bài thông qua việc đọc đúng, rõ ràng các bài: *Nụ hôn trên bàn tay, Cả nhà đi chơi núi.* Thông qua hoạt động viết GV đọc cho học sinh viết lại một đoạn trong bài *Nụ hôn trên bàn tay* “từ đầu… Ở bên con”. Nghe viết một đoạn ngắn.

**2. Phát triển năng lực:**

Kĩ năng quan sát,nghe hiểu, viết trả lời câu hỏi thành thạo .

**3. Phát triển phẩm chất:**

- Biết quan tâm, giúp đỡ bạn bè; khả năng làm việc nhóm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Phương tiện dạy học SGV

- HS:SGK, VBT

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

TIẾT 2

|  | 3. Viết  - Nghe viết một đoạn trong bài *Giải thưởng tình bạn*  ‘từ đầu… đến ở bên con”.  - GV đọc mẫu  *- Những chữ nào được viết hoa?, tại sao?*  - GV lưu ý HS một số vấn để chính tả trong đoạn viết:  + Viết lùi vào đầu dòng. Viết hoa chữ cái đầu câu, kết thúc câu có dấu chấm.  + Chữ dễ viết sai chính tả như *hồi hộp*  Đọc và viết chính tả:  + GV đọc từng câu cho HS viết. Những câu dài cần đọc theo từng cụm từ.  GV cần đọc rõ ràng, chậm rãi, phù hợp với tốc độ viết của HS.  + Sau khi HS viết chính tả, GV đọc lại một lần toàn đoạn văn và yêu cầu HS rà soát lỗi.  + HS đổi vở cho nhau để rà soát lỗi.  + GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS.  ***4. Làm bài tập***  Bài 1. Điền vào chỗ trống  *a. n hayl ?*  *b. c hay k?*  **4. Củng cố**  - HS nhắc lại nội dung bài học  - Về đọc lại các bài đã học | -2 HS đọc đoạn viết  HS làm việc theo nhóm   1. *n hayl ?*   *niềm vui, lo lắng, lòng mẹ*   1. *c hay k?*   *Mẹ con, kỉ niệm, kì diệu*  Đại diện nhóm trình bày |
| --- | --- | --- |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

|  |
| --- |
|  |



**Tự nhiên và xã hội**

**CHĂM SÓC VÀ BẢO VỆ VẬT NUÔI (2 TIẾT)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

*Sau bài học, HS sẽ:*

- Nêu và thực hiện được một số việc làm phù hợp để chăm sóc và bảo vệ con vật, thực hiện đối xử tốt nhất với vật nuôi trong nhà.

- Nêu và thực hiện được các việc cần làm để đảm bảo an toàn cho bản thân khi tiếp xúc với động vật.

- Yêu quý, có ý thức chăm sóc và bảo vệ các con vật, có ý thức giữ an toàn cho bản thân khi tiếp xúc với một số động vật.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

GV:

- Hình SGK phóng to (nếu )

- Các món quà tặng cho đội thắng trong phần thi chơi trò chơi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| --- | --- |
| **Tiết 1** | |
| **1. Mở đầu: Khởi động**  -GV cho HS chơi trò chơi ‘’Truyền tin’’:  -GV chuẩn bị cho một số câu hỏi về động vật và cho vào một túi/ hộp. HS vừa trao tay nhau túi/ hộp đựng câu hỏi.  -Khi GV hô: Dừng! túi/ hộp ở trong tay HS nào thì HS đó chọn một câu hỏi và trả lời.  **2. Hoạt động khám phá**  ***Hoạt động 1***  -GV cho HS quan sát hình trong SGK, thảo luận nhóm để nêu nội dung hình  - Gv yêu cầu HS kể được các việc làm chăm sóc và bảo vệ vật nuôi  - GV kết luận: cho ăn, uống; giữ ấm cho động vật vào mùa đông,… và tác dụng của các việc làm đó.  *Yêu cầu cần đạt:* HS nêu được các việc làm để chăm sóc và bảo vệ vật nuôi.  ***Hoạt động 2***  -GV cho HS quan sát các hình nhỏ và liên hệ thực tế  -GV yêu cầu HS kể thêm những việc làm để chăm sóc và bảo vệ con vật.  *Yêu cầu cần đạt:* HS nêu thêm được những việc làm để chăm sóc và bảo vệ vật nuôi.  **3. Hoạt động thực hành**  -GV cho HS kể tên các việc nên, không nên làm để chăm sóc và bảo vệ vật nuôi.  -GV cho HS chơi trò chơi: chia thành các đội, đội nào kể được nhiều và đúng hơn sẽ thắng.  -GV chuẩn bị các món quà để thưởng cho các đội thắng.  *Yêu cầu cần đạt*: HS chơi vui vẻ, tự tin kể được các việc nên, không nên làm để chăm sóc và bảo vệ vật nuôi.   1. **Đánh giá**   -HS yêu quý, có ý thức chăm sóc và bảo vệ con vật cũng như thực hiện được các công việc đơn giản để chăm sóc con vật,   1. **Hướng dẫn về nhà**   -Yêu cầu HS cùng tham gia chăm sóc và bảo vệ con vật ở gia đình và cộng đồng.  **\* Tổng kết tiết học**  - Nhắc lại nội dung bài học  - Nhận xét tiết học  - Hướng dẫn hs chuẩn bị bài sau | * HS lắng nghe và tham gia trò chơi   - HĐTQ điều khiển cả lớp hát bài: Gà trống, mèo con và cún con  - 2,3 hs trả lời  - Nhận xét, bổ sung.  - HS quan sát các hình nhỏ và liên hệ thực tế  - HS kể thêm những việc làm để chăm sóc và bảo vệ con vật.  - HS kể tên  - HS chơi trò chơi   * HS lắng nghe * HS lắng nghe * HS nhắc lại * HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

|  |
| --- |
|  |



**Toán\***

**LUYỆN TẬP**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT :**

**1. Phát triển các kiến thức.**

**-** So sánh các số có hai chữ số.

**-** Nhận ra số lớn nhất, bé nhất trong nhóm có 2 số.

- Viết các số theo thứ tự từ bé đến lớn và ngược lại

**2. Phát triển các năng lực phẩm chất**

**-** Học sinh tích cực, hứng thú, chăm chỉ. Thực hiện các yêu cầu của giáo viên nêu ra.

**-** Học sinh quan sát và trình bày được kết quả quan sát thông qua các hoạt động học.

**-** Vận dụng được kiến thức kĩ năng được hình thành trong bài học để giải quyết vấn đề thực tiễn.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV: Vở VBT Toán , tranh ảnh minh họa.

- HS; Vở VBT Toán, bút màu, bộ đồ dùng học toán

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**Tiết 2**

| **Giáo viên** | **Học sinh** |
| --- | --- |
| **1. Khởi động**  - GV cho các số : 0 ; 9 ; 3 .  - GV giới thiệu, dẫn dắt vào bài.  **2.Luyện tập.**  **\* Bài 1: Đúng ghi Đ, sai ghi S :(VBT/ 20)**  - GV cho hs nêu yêu cầu của bài và nhắc lại cách so sánh 2 số  - Muốn điền được Đ hoặc S hs phải so sánh và đưa ra được đáp án đúng  GV nhận xét, chốt đáp án đúng  **\* Bài 2: Viết dấu > , < , = thích hợp vào ô trống :( VBT/ 20)**  - GV cho hs nêu yêu cầu của bài.  - Gv tổ chức cho hs chơi trò chơi xì điện  - GV nhận xét trò chơi, khen những học sinh chơi đúng, phạt những hs bị "điện giật" nhảy lò cò hoặc hát, đi người mẫu.  **\* Bài 3: Tô màu xanh vào gấu bông có số bé nhất, màu đỏ vào gấu bông có số lớn nhất ( VBT/ 20)**  - GV cho hs nêu yêu cầu của bài.  - Gv yêu cầu Hs làm bài  - GV nhận xét  **\* Bài 4: Viết tên bạn thích hợp vào chỗ chấm : (VBT/21)**  - GV cho hs đọc đề bài.  - Gọi Hs so sánh số hoa của 3 bạn :32 , 29 , 35  - Y/c hs làm bài vào VBT  - Gv nhận xét  **\* Bài 5. Viết các số thích hợp vào chỗ chấm ( VBT/ 21)**  - GV cho hs lấy ra các số 3,5,7 và bảng gài  - Gv yc hs lập các số từ 2 số trên  - Nhận xét, khen những hs có tư duy tốt  **3. Củng cố, dặn dò**  - GV nhận xét giờ học.  - GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau. | - HS chơi nối tiếp nhau đọc các số có hai chữ số ghép được từ 3 chữ số đã cho. Rồi xếp theo thứ tự từ bé đến lớn.  - HS lắng nghe  - HS nêu  - HS làm bài vào vở BT  a. Đ ; b. Đ ; c. S ; d. Đ.  - HS nêu  - hs chơi  34 > 31 27 > 19 45 < 40+7  56 < 65 89 < 95 54 = 50+4  62 > 43 48 < 60 86 > 70 +9  - HS làm bài vào vbt  +Màu xanh : 43 ; 64  +Màu đỏ : 99 ; 97  - HS đọc  - Hs so sánh : 29 < 32 < 35  a)Mai có nhiều hoa hơn Việt  b)Mai có ít hoa hơn Nam  c)Nam có nhiều hoa nhất  d)Việt có ít hoa nhất.  - hs lập 35 , 37 , 53, 57 , 73 , 75  - Hs viết các số lập được vào VBT |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY( nếu có)**

|  |
| --- |
|  |
|  |



*Thứ sáu ngày 2 tháng 2 năm 2024*

**Tiếng Việt**

**Bài 3: CẢ NHÀ ĐI CHƠI NÚI (4 tiết)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Phát triển kĩ năng đọc thông qua thông qua việc đọc đúng, đọc rõ ràng một văn bản tự sự đơn giản. Đọc đúng các vần *uya, uyp, uynh,uych, uyu* và các tiếng có chứa các vần *uya, uyp, uynh,uych, uyu* ; hiểu và trả lời đúng các câu hỏi có liên quan đến văn bản.

- Phát triển kĩ năng viết thông qua hoạt động viết lại đúng câu trả lời cho câu hỏi trong VB đọc; hoàn thiện câu dựa vào những từ ngữ cho sẵn và viết lại đúng câu đã hoàn thiện và nghe viết một đoạn ngắn.

- Phát triển kĩ năng nói và nghethông qua hoạt động trao đổi vể nội dung của VB và nội dung được thể hiện trong tranh.

-Giao tiếp và hợp tác: HS biết bày tỏ ý kiến khi tham gia làm việc nhóm.

- Nhân ái: HS biết quan tâm, giúp đỡ, chia sẻ niềm vui, nỗi buồn với những người thân trong gia đình

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Kiến thức ngữ văn**

- GV nắm được đặc điểm của VB tự sự, kể lại một trải nghiệm từ ngôi thứ ba, không có lời thoại; nội dung của VB *Cả nhà đi chơi núi,* cách thể hiện đặc điểm nhân vật và quan hệ giữa các nhân vật trong câu chuyện.

- GV nắm được đặc điêìn phát âm, cấu tạo các vần *uya, uyp, uynh, uych, uyư,* nắm được nghĩa của các từ ngữ khó trong VB *(tuýp thuốc, côn trùng, huỳnh huych, khúc khuỷu)* và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này.

**2. Phương tiện dạy học**

- GV:Tranh minh hoạ trong SHS (tranh gia đình đi biển, gia đình đi tham quan hang động, gia đình đi thăm bảo tàng, gia đình đi chơi công viên) được phóng to hoặc máy tính có phần mềm dạy chữ, máy chiếu, màn hình, bảng thông minh.

- HS: SGK, VBT

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 3**

| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| --- | --- |
| 5. Chọn từ ngữ để hoàn thiện câu và viết câu vào vở( 16-17’)  - GV ghi bảng : *thấp , khúc khuỷu, hào hứng.*  *Đường lên núi quanh co,…*  - GV hướng dẫn  - GV yêu cầu đại diện một số nhóm trình bày kết quả. GV và HS thống nhất câu hoàn thiện. *(Đường lên núi quanh co, khúc khuỷu.)*  - GV yêu cầu HS viết câu hoàn chỉnh vào vở.  - GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS.  6. Quan sát tranh và dùng từ ngữ trong khung để nói theo tranh (17-18’)  - GV ghi bảng: *cảnh vật, thú vị , đi chơi*  - GV giới thiệu tranh và hướng dẫn HS quan sát tranh.  - GV yêu cầu HS làm việc nhóm, quan sát tranh và trao đổi trong nhóm theo nội dung tranh, có dùng các từ ngữ đã gợi ý.  - GV gọi một số HS trình bày kết quả nói theo tranh.  - HS và GV nhận xét. | - HS đọc từ ngữ trên bảng.  - 1 HS đọc.  - HS làm việc nhóm để chọn từ ngữ phù hợp và hoàn thiện câu.  - 1-2 HS đọc từ ngữ trên bảng.  - HS quan sát tranh Làm việc nhóm đôi trao đổi nhóm theo nội dung tranh có dùng các từ ngữ đã gợi ý.  *- Cảnh vật trong hang núi rất thú vị*  *- Đi chơi núi cảnh vật thật thú vị .*  *- Bố mẹ cho em đi chơi trong hang núi….* |

TIẾT 4

| Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của học sinh |
| --- | --- |
| 7. Nghe viết( 17-18’)  - GV yêu cầu học sinh đọc to 2 câu viết.  - GV đọc to cả hai câu. *(Nam và Đức được đi chơi núi. Đến đỉnh núi, hai anh em vui sướng hét vang.)*  Trong 2 câu này chữ nào được viết hoa? Tại sao?  - GV lưu ý HS một số vấn đề chính tả trong đoạn viết.  + Viết hoa chữ cái đầu câu và tên riêng của Nam và Đức, kết thúc câu có dấu chấm.  + Chữ dễ viết sai chính tả: *sưởng, chơi.*  - GV yêu cầu HS ngồi đúng tư thế, cẩm bút đúng cách.  - Đọc và viết chính tả:  + GV đọc từng câu cho HS viết. Mỗi câu cần đọc theo từng cụm từ *{Nam và Đức/ được đi chơi núi./ Đến đỉnh núi,/ hai anh em/ vui sướng hét vang.).* Mỗi cụm từ đọc 2-3 lẩn. GV cẩn đọc rõ ràng, chậm rãi, phù hợp với tốc độ viết của HS.  + GV đọc lại một lần cả hai câu và yêu cầu HS rà soát lỗi.  + GV đọc lại lần 2.  + GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS.  8. Chọn vần phù hợp thay cho ô vuông (9- 10’)  Gv ghi bảng:  a. *uyp hay uyu? đèn t…, kh … tay*  b. *uynh hay uych? h … tay, phụ h..*  - GV nêu nhiệm vụ.  - HS lên trình bày kết quả trước lớp (có thể điền vào chỗ trống của từ ngữ được ghi trên bảng).  9. Kể về một lần em được đi chơi cùng gia đình(5-6’)  - GV hướng dẫn HS quan sát tranh.  - GV gợi ý cho HS nội dung nói thông qua việc trả lời một số câu hỏi.  *Tranh 1:Bạn nhỏ đang cùng bố mẹ đi chơi ở đâu?*  *Tranh 2; Bạn nhỏ đang ngồi ở đâu? Bố mẹ bạn đang làm gì?*  *- Em đã bao giờ được bố mẹ cho đi chơi xa chưa?*  *- Em thấy nơi gia đỉnh đi chơi có đẹp không?*  *- Em có thích chuyến đi này không?*  - Hãy kể cho các bạn nghe về chuyến đi chơi của mình?  (Có thể là một chuyến về thăm quê, một chuyến du lịch trong nước hoặc nước ngoài,... Gợi ý những hoạt động gần gũi với thực tế của HS  - GV cho một vài nhóm trao đổi với nhau trước lớp.  - GV gọi đại diện các nhóm lên trình bày.  10. Củng cố( 3-4’)  - GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS.  - Về nhà đọc bài và trả lời lại các câu hỏi trong bài | - 2 học sinh đọc  - HS: *Nam, Đức* là tên riêng, từ *đến* là chữ đầu câu.  HS phân tích tiếng sưởng: s + ương + thanh hỏi.  + Lần 1: tự soát lỗi  + Lần 2: HS đổi vở cho nhau để rà soát lỗi.  - 1HS đọc yêu cầu.  - HS làm việc nhóm đôi để tìm những vần phù hợp.  a. *uyp hay uyu? đèn tuýp, khuỷu tay*  b.*uynh hay uych? huých tay, phụ huynh.*  - HS đọc to các từ ngữ. CN- ĐT  - HS hoạt động nhóm, thảo luận về nội dung các bức tranh.  - *Bạn nhỏ dang cùng bố mẹ đi chơi ở Bảo tàng.*  *- Bạn nhỏ đang ngồi trên xích đu, bố mẹ đang giữ và đung đưa cho bạn*…  - HS trả lời  - HS trình bầy.  - Đại diện nhóm trình bầy. |

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY( nếu có)

|  |
| --- |
|  |
|  |

**Tiếng Việt\***

**Luyện tập**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Biết sắp xếp các từ ngữ thành câu

- Biết điền từ để hoàn thành câu

- Biết chọn đúng từ ngữ để điền vào chỗ trống

- Biết làm bài tập chính tả phân biệt ôp/ ôt, ay/ai, l/n. Biết sử dụng vốn từ sẵn có để viết câu.

\* Phát triển năng lực tự học, giao tiếp, hợp tác, tự chuẩn bị đồ dùng học tập.

**\*** Phát triển phẩm chất học, mạnh dạn tự tin trao đổi ý kiến, tự hòa nhập bản thân với mọi người xung quanh.

**-II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

* GV: VBT.
* HS: VBT, bảng con, màu.

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| --- | --- |
|  | |
| **1.Luyện đọc.**  \*Gv cho hs đọc lại bài học buổi sáng. | * HS đọc |
|  | |
| **2.** Luyện Tiếng Việt  **\* Bài tập bắt buộc**  **Bài 1/ 12**  - GV đọc yêu cầu  - GV gợi ý: Em thử ghép các tiếng đã cho thành câu xem câu nào phù hợp?  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi.  - GV cho HS đọc lại câu  - GV nhận xét tuyên dương.  - Lưu ý: Khi viết câu cần viết hoa chữ cái đầu câu và kết thúc câu có dấu chấm.  **\* Bài tập tự chọn**  **Bài 1/ 10**  - GV đọc yêu cầu  - GV yêu cầu HS đọc sau đó chọn vần từ đúng hợp để viết lại  - HS làm việc cá nhân  - GV nhận xét HS, tuyên dương.  **Bài 2/10**  - Nêu yêu cầu của bài  - HD học sinh từ ngữ để điền vào ý a, b  - Cho HS đọc lại đoạn văn vừa điền  - Nhận xét  **Bài 3/13:**  - Nêu yêu cầu  - Cho HS đọc cột A và B  - Nối vào vở  - GV nhận xét, tuyên dương  **Bài 4/11:**  - Nêu yêu cầu  - Ghi câu trả lời vào vở  - GV nhận xét, tuyên dương | - Sắp xếp các từ ngữ sau thành câu và viết câu lại  - HS lắng nghe và thực hiện  - HS trả lời:  a. Nam được mẹ đưa đến trường.  b. Ngày đầu tiên đi học nam cảm thấy lo lắng.   * HS đọc lại câu * HS nhận xét   - Chon từ ngữ đúng và viết lại  - HS lắng nghe và thực hiện  - HS làm vào vở  Đột nhiên, bàn tay, im lặng  - HS nhận xét  - Tìm trong bài đọc Nụ hôn trên bàn tay từ ngữ nào cho biết  a. Cảm xúc của nam khi được mẹ hôn vào bàn tay  b. Nam rất vui khi vào lớp  - 1 HS nêu và viết vào vở  - 1 HS đọc  - Nhận xét  - Nối A với B  - HS đọc rồi nối  http://edujet.org/wp-content/uploads/2020/08/2020-08-01_15h51_40.png  - Nhận xét bạn  - Viết một câu về tình cảm của em dành cho mẹ  - HS làm vở  - Đọc lại bài |
|  | |
| **4. Củng cố, dặn dò:**  - GV nhấn mạnh lại nội dung bài học  - Nhận xét, tuyên dương HS. | * HS lắng nghe và thực hiện |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY( nếu có)**

|  |
| --- |
|  |
|  |

**SINH HOẠT TẬP THỂ TUẦN 21**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Giúp HS biết được những ưu điểm và hạn chế về việc thực hiện nội quy, nề nếp trong 1 tuần học tập vừa qua.

- GDHS chủ đề 6 “ Vui đón mùa xuân”

- Biết được bổn phận, trách nhiệm xây dựng tập thể lớp vững mạnh, hoàn thành nhiệm vụ học tập và rèn luyện.

- Hình thành một số kỹ năng về xây dựng tập thể, kỹ năng tổ chức, kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng điều khiển và tham gia các hoạt động tập thể, kỹ năng nhận xét và tự nhận xét; hình thành và phát triển năng lực tự quản.

- Có ý tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm trước tập thể, có ý thức hợp tác, tính tích cực, tự giác trong hoạt động tập thể, ý thức giữ gìn, phát huy truyền thống tốt đẹp của tập thể, phấn đấu cho danh dự của lớp, của trường.

**II.DỒ DÙNG DẠY HỌC**

* GV :băng đĩa nhạc, bảng phụ tổ chức trò chơi, bông hoa khen thưởng…
* HS: Chia thành nhóm, hoạt động theo Ban.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

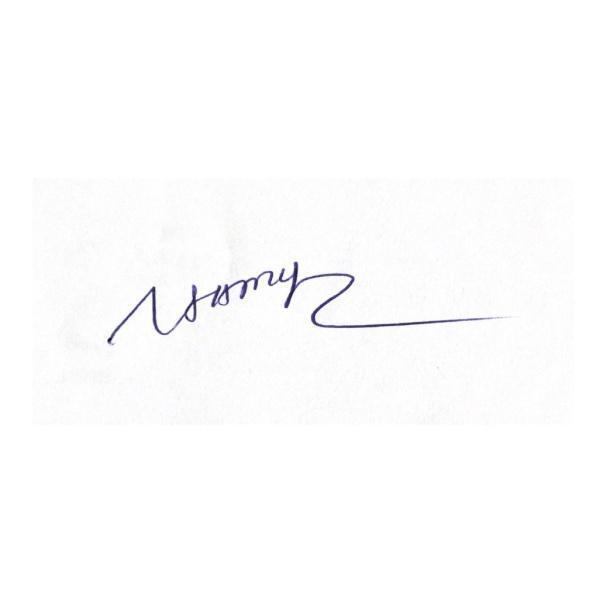
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của HS** |
| --- | --- |
| **1.Ổn định tổ chức:**  - GV mời chủ tịch HĐTQ lên ổn định lớp học.  **2. Sơ kết tuần và thảo luận kế hoạch tuần sau**  **a/ Sơ kết tuần học**  \* mục tiêu: HS biết được những ưu điểm và tồn tại trong việc thực hiện nội quy lớp học.  \*Cách thức tiến hành:  - CTHĐTQ mời lần lượt các trưởng ban lên báo cáo, nhận xét kết quả thực hiện các mặt hoạt động của lớp trong tuần qua.  - Lần lượt các trưởng ban lên báo cáo, nhận xét kết quả thực hiện các mặt hoạt động trong tuần qua.  Sau báo cáo của mỗi ban, các thành viên trong lớp đóng góp ý kiến.  - CTHĐTQ nhận xét chung tinh thần làm việc của các trưởng ban và cho lớp nêu ý kiến bổ sung (nếu có). Nếu các bạn không còn ý kiến gì thì cả lớp biểu quyết thống nhất với nội dung mà các trưởng ban đã báo cáo bằng một tràng pháo tay (vỗ tay).  - CTHĐTQ tổng kết và đề xuất tuyên dương cá nhân, nhóm, ban điển hình của lớp; đồng thời nhắc nhở nhóm, ban nào cần hoạt động tích cực, trách nhiệm hơn (nếu có).  - CTHĐTQ mời giáo viên chủ nhiệm cho ý kiến.  Dựa trên những thông tin thu thập được về hoạt động học tập và rèn luyện của lớp, giáo viên chủ nhiệm góp ý, nhận xét và đánh giá về:  + Phương pháp làm việc của Hội đồng tự quản, trưởng ban; uốn nắn điều chỉnh để rèn luyện kỹ năng tự quản cho lớp.  + Phát hiện và tuyên dương, động viên kịp thời các cá nhân đã có sự cố gắng phấn đấu trong tuần.  + Nhắc nhở chung và nhẹ nhàng trên tinh thần góp ý, động viên, sửa sai để giúp đỡ các em tiến bộ và hoàn thiện hơn trong học tập và rèn luyện… (không nêu cụ thể tên học sinh vi phạm hay cần nhắc nhở trước tập thể lớp).  + Tiếp tục rút kinh nghiệm với những kết quả đạt được đồng thời định hướng kế hoạch hoạt động tuần tiếp theo.  - CTHĐTQ: Chúng em cảm ơn những ý kiến nhận xét của cô. Tuần tới chúng em hứa sẽ cố gắng thực hiện tốt hơn.  - CTHĐTQ: Trước khi xây dựng kế hoạch tuần tới, mời các bạn ở ban nào về vị trí ban của mình.  **b/ Xây dựng kế hoạch tuần tới**  \* mục tiêu HS biết được cách lập kế hoạch trong tuần tiếp theo.  \*Cách thức tiến hành:  **-** CTHĐTQ yêu cầu các trưởng ban dựa vào nội dung cô giáo vừa phổ biến, các ban lập kế hoạch thực hiện.  - Các ban thảo luận đề ra kế hoạch tuần tới với nhiệm vụ phải thực hiện và mục tiêu phấn đấu đạt được trên tinh thần khắc phục những mặt yếu kém tuần qua và phát huy những lợi thế đạt được của tập thể lớp; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong mỗi ban.  - CTHĐTQ cho cả lớp hát một bài trước khi các ban báo cáo kế hoạch tuần tới.  - Lần lượt các Trưởng ban báo cáo kế hoạch tuần tới.  Sau mỗi ban báo cáo, tập thể lớp trao đổi, góp ý kiến và đi đến thống nhất phương án thực hiện.  - CTHĐTQ: Nhận xét chung tinh thần làm việc và kết qủa thảo luận của các ban.  Các bạn đã nắm được kế hoạch tuần tới chưa? (Cả lớp trả lời)  - CTHĐTQ: Chúng ta sẽ cùng nhau cố gắng thực hiện nhé! Bạn nào đồng ý cho 1 tràng pháo tay.  - CTHĐTQ: mời giáo viên chủ nhiệm cho ý kiến.  - Giáo viên chốt lại và bổ sung kế hoạch cho các ban. | -HS hát một số bài hát.  -Các trưởng ban nêu ưu điểm và tồn tại việc thực hiện hoạt động của các ban.  - CTHĐTQ nhận xét chung cả lớp.  - HS nghe.  - HS nghe.  - HS nghe.  - Các ban thực hiện theo CTHĐ.  - Các ban thảo luận và nêu kế hoạch tuần tới.  - Trưởng ban lên báo cáo. |
| **3. Sinh hoạt theo chủ đề**  GV yêu cầu HS chia sẻ : Những điều em đã học được và cảm nhận của em khi tham gia ủng hộ “ Tết yêu thương " Những việc em đã làm được ở gia đình để đón Tết . Cảm xúc của em khi cùng gia đình sắp xếp nhà cửa gọn gàng để đón Tết | -HS tham gia |
| **ĐÁNH GIÁ**   1. **Cá nhân tự đánh giá**   GV hướng dẫn HS tự đánh giá theo các mức độ dưới đây Tốt : Thường xuyên thực hiện được các yêu cầu sau :  + Kể được những việc nên làm để nhà cửa gọn gàng . Nếu được những việc mà bản thân đã làm khi cùng gia đình ĐỒ DÙNG DẠY HỌC đón Tết ( trang trí nhà cửa , lau dọn đồ đạc , ... ) .  + Tự tin chia sẻ những việc đã làm được và cảm xúc của bản thân .  Đạt : Thực hiện được các yêu cầu trên nhưng chưa thường xuyên . Cần cố gắng : Chưa thực hiện được đầy đủ các yêu cầu trên , chưa thể hiện rõ , chưa thường xuyên  **b) Đánh giá theo tổ/ nhóm**  GV hướng dẫn tổ trưởng nhóm trưởng điều hành để các thành viên trong tổ nhóm đánh giá lẫn nhau về các nội dung sau :  Có nêu và xác định được những việc nên làm để nhà cửa luôn gọn gàng không  - Thái độ tham gia hoạt động có tích cực , tự giác , hợp tác , trách nhiệm , hay không .  **c) Đánh giá chung của GV**  GV dựa vào quan sát , tự đánh giá của từng cá nhân và đánh giá của các tố nhóm để đưa ra nhận xét , đánh giá chung . | -HS tự đánh giá  -HS đánh giá lẫn nhau  -HS theo dõi |
| **4. Củng cố - dặn dò**  - Nhận xét tiết học của lớp mình.  - GV dặn dò nhắc nhở HS | -HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY( nếu có)**

|  |
| --- |
|  |
|  |

**Đã duyệt 24/01/2024**

**TỔ TRƯỞNG**



**Võ Thị Mỹ**